



Số: 43 /2016/SVCT-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp ("Công ty") được lập ngày 04 tháng 01 năm 2016, từ trang 7 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM

292/33/33 Bình Lợi, P.13 Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3553 3730 - 3553 3731 * Fax: (84-8) 3553 3732
Email: saoviet1011@vnn.vn

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ

Lô 66, đường số 11, khu dân cư Công ty cổ phần xây dựng Tp.Cần Thơ,
P.Hưng Thạnh, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ.
Tel: (0710) 3765 999 * Fax: (0710) 3765 766 * Email: svc-ct@vnn.vn

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Đến thời điểm phát hành bản báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận số dư công nợ phải thu khách hàng ngắn hạn, trả trước cho người bán ngắn hạn, người mua trả tiền trước ngắn hạn và phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/12/2015 với số tiền lần lượt là 13.827.451.225 đồng, 46.750.027.350 đồng, 2.814.551.800 đồng và 7.761.385.353 đồng. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác để có thể kiểm chứng được tính có thực và đầy đủ của số dư công nợ nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngoài báo cáo này, chúng tôi có gửi kèm theo Thư quản lý số 01 ngày 29 tháng 03 năm 2016 để đề xuất một số vấn đề trong công tác quản lý của Công ty.



Nguyễn Quang Nhơn, Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2013-107-1

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Cần Thơ, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Đặng Thị Thiên Nga

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0462-2013-107-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		166.540.801.137	115.061.096.305
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	31.427.398.152	24.508.143.881
1. Tiền	111		21.427.398.152	16.508.143.881
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	8.000.000.000
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.2	100.720.949.397	61.358.606.206
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		40.859.104.358	38.940.732.493
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		47.229.547.350	15.702.273.694
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		12.632.297.689	8.660.979.469
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(1.945.379.450)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		33.992.235.838	28.958.894.257
1. Hàng tồn kho	141	V.3	33.992.235.838	28.958.894.257
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		400.217.750	235.451.961
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	V.9	400.217.750	235.451.961
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		432.616.156.551	336.836.501.046
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		11.830.000	88.830.000
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		11.830.000	88.830.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		281.451.299.672	261.288.236.357
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	278.036.888.989	257.756.402.093
- Nguyên giá	222		430.622.885.991	401.203.458.993
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(152.585.997.002)	(143.447.056.900)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	3.414.410.683	3.531.834.264
- Nguyên giá	228		4.420.461.413	4.420.461.413
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.006.050.730)	(888.627.149)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		141.003.551.162	65.157.364.913
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	141.003.551.162	65.157.364.913
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		84.040.000	84.040.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		84.040.000	84.040.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		10.065.435.717	10.218.029.776
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	10.065.435.717	10.218.029.776
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		599.156.957.688	451.897.597.351

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015*

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		196.538.258.987	122.568.731.938
I. Nợ ngắn hạn	310		109.894.654.510	65.713.678.296
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	45.148.634.351	20.393.414.184
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	3.010.098.679	1.135.004.864
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	1.297.710.370	2.680.079.524
4. Phải trả người lao động	314		41.095.657.234	29.593.608.395
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	466.252.160	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	8.850.176.793	6.596.644.631
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.026.124.923	5.314.926.698
II. Nợ dài hạn	330		86.643.604.477	56.855.053.642
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	84.974.371.055	56.107.508.142
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.669.233.422	747.545.500
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		402.618.698.701	329.328.865.413
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	401.946.271.678	327.936.379.841
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		294.597.043.647	287.607.464.235
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.533.612.451	1.470.882.540
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		46.177.771	4.068.017.161
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		105.769.437.809	34.790.015.905
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		672.427.023	1.392.485.572
1. Nguồn kinh phí	431		672.427.023	1.392.485.572
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		599.156.957.688	451.897.597.351


Hoàng Quốc Hưng
Người lập


Phạm Chí Thức
Kế toán trưởng


Phan Đình Hùng
Tổng Giám đốc
Cao Lãnh, ngày 04 tháng 01 năm 2016



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MTĐT ĐỒNG THÁP
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số : B 02 - DN

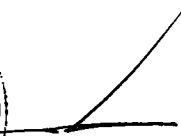
Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		244.593.046.804	211.201.473.342
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	244.593.046.804	211.201.473.342
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	183.271.005.335	160.466.371.912
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	61.322.041.469	50.735.101.430
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	433.442.436	534.518.273
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	2.494.320.328	1.489.059.324
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.494.320.328	1.489.059.324
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	23.887.454.188	22.872.777.066
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	24.198.476.387	19.708.356.008
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.175.233.002	7.199.427.305
11. Thu nhập khác	31	VI.6	385.471.094	1.625.294.825
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.766.161.104	128.505.697
13. Lợi nhuận khác	40		(1.380.690.010)	1.496.789.128
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.10	9.794.542.992	8.696.216.433
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	977.454.299	1.303.386.296
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.10	8.817.088.693	7.392.830.137
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-


Hoàng Quốc Hưng
 Người lập


Phạm Chí Thúc
 Kế toán trưởng




Phan Đình Hùng
 Tổng Giám đốc
 Cao Lãnh, ngày 04 tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	232.245.867.294	206.412.429.610
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(168.643.697.100)	(81.315.372.976)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(57.675.178.953)	(43.775.980.236)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.559.075.981)	(1.936.703.781)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.145.000.000)	(1.991.462.552)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	371.614.659.251	275.643.591.419
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(364.044.705.164)	(337.819.777.229)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.792.869.347	15.216.724.255
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(185.393.813)	(2.218.459.423)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	(8.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.000.000.000	8.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	425.373.824	525.782.179
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.760.019.989)	(1.692.677.244)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.597.958.000	2.357.741.800
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.711.553.087)	(10.773.490.670)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.113.595.087)	(8.415.748.870)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.919.254.271	5.108.298.141
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	24.508.143.881	19.399.845.740
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	31.427.398.152	24.508.143.881


Hoàng Quốc Hưng
Người lập


Phạm Chí Thước
Kế toán trưởng


Phan Đình Hùng
Tổng Giám đốc
Cao Lãnh, ngày 04 tháng 01 năm 2016



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp là công ty TNHH một thành viên được chuyển đổi từ Công ty Cấp thoát nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp theo Quyết định số 158/QĐ-UBND-TL ngày 21/09/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400101205 đăng ký lần đầu ngày 27/09/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 22/01/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Chủ sở hữu Công ty: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 50.844.000.000 đồng.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2015 là 294.597.043.647.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Cấp nước, môi trường đô thị, xây dựng, sản xuất nước uống đóng chai.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống);
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Dịch vụ mai táng, xây mộ, chăm sóc mộ, trồng hoa kiểng;
- Xây dựng, khai thác, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đô thị, nông thôn (cầu, đường, thoát nước vỉa hè, công viên, cây xanh, điện chiếu sáng công cộng, nghĩa trang nhân dân, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải);
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi;
- Tư vấn xây dựng;
- Khảo sát địa chất công trình;
- Khảo sát địa chất thủy văn;
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật;
- Giám sát công trình dân dụng, công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật, lĩnh vực lắp thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện;
- Thiết kế công trình cấp thoát nước;
- Dịch vụ tư vấn xây dựng: lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý dự án, thẩm tra hồ sơ thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp (nhẹ, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng), hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước;

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Lập và xét hồ sơ đấu thầu;
- Khảo sát địa hình trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Thiết kế kết cấu công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi;
- Thẩm tra thiết kế kết cấu công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình thủy lợi;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông (cầu, đường bộ), thủy lợi;
- Thiết kế công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp), hệ thống điện trong công trình xây dựng;
- Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp), hệ thống điện trong công trình xây dựng;
- Dịch vụ vệ sinh cơ quan, hộ gia đình;
- Dịch vụ hút hầm cầu, vận chuyển phế liệu xây dựng, vận chuyển, di dời đồ đạc cơ quan, gia đình, công trình xây dựng;
- Chăm sóc hoa kiểng cơ quan, hộ gia đình;
- Vườn ươm cây;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;
- Lập báo cáo giám sát, quan trắc nước và môi trường;
- Lập phương án phân vùng, tách mạng, phòng và chống thất thu, thất thoát nước, quản lý tài sản;
- Sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình;
- Mua bán nước uống đóng chai, đóng bình.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết hoạt động nêu trên.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 1 đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Số 1;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Số 2;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Số 3;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Số 4;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Số 5;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Số 6;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp –
Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư;
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp –
Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường – Đô thị.
- Chi nhánh Cty Dowasen. Ltd – Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng và Cấp thoát nước.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp – Nhà máy Nước đóng chai Dowasen;

7. **Thông tin về công ty con:** không có

8. **Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):** Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng:

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC - Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại điểm 4, mục VIII của bản Thuyết minh này.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Cuối niên độ kế toán 2015, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 25 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	07 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	Hết khấu hao
- TSCĐ vô hình – Quyền sử dụng đất	25 - 49 năm
- TSCĐ vô hình – Phần mềm máy vi tính	03 năm
- TSCĐ vô hình khác	03 - 25 năm

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư này bao gồm phần vốn góp hoặc giá thực tế mua khoản đầu tư cộng (+) các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, thuế, phí, lệ phí... Cổ tức, lợi nhuận trước khi đầu tư nhận được sẽ ghi giảm giá trị khoản đầu tư đó. Cổ tức, lợi nhuận sau khi đầu tư nhận được sẽ ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản được chia khác được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Trong năm 2015, Công ty trích quỹ lương cán bộ, công nhân viên vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/09/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và trích quỹ lương Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/09/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả như chi phí bảo hiểm, chi phí dịch vụ môi trường rừng... được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán. Trong năm 2015, chi phí đi vay được vốn hóa là 152.533.500.

12. Nguyên tắc ghi nhận quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2015, Công ty trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ số tiền 1.000.000.000.

13. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo hướng dẫn tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính Phủ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận căn cứ vào báo cáo khối lượng xây lắp đã hoàn thành và nghiệm thu hoặc báo cáo quyết toán.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Đối với các khoản thu nhập từ hoạt động mua, bán chứng khoán, ngoại tệ, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá mua.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cuối kỳ kế toán, toàn bộ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng tại Công ty là 10% đối với hoạt động cung cấp nước sạch và thu gom vận chuyển rác (lĩnh vực xã hội hóa) theo quy định tại Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hoạt động còn lại là 22%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2015, Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

18. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.475.706.533 (a)	1.283.356.168
Tiền gửi ngân hàng	19.951.691.619 (b)	15.224.787.713
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000 (c)	8.000.000.000
Cộng	31.427.398.152	24.508.143.881

(a) Chi tiết số dư tiền mặt tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng Công ty	461.990.721	470.881.351
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 1	520.345	16.309.723

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đơn vị trực thuộc	Số cuối năm	Số đầu năm
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 2	1.867.078	1.944.824
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 3	4.694.675	6.528.271
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 4	4.369.682	2.331.878
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 5	11.039.916	20.377.906
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 6	63.896.465	7.353.122
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường – Đô thị	273.375.386	124.496.403
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Nhà máy Nước đóng chai	13.467.439	-
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng và Cấp thoát nước	53.832.467	7.688.643
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư	586.652.359	625.444.047
Cộng	1.475.706.533	1.283.356.168

(b) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng Công ty	8.515.106.943	6.749.694.444
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 1	1.113.090.017	528.861.437
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 2	1.723.649.055	649.193.359
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 3	304.614.434	366.086.877
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 4	613.094.108	557.407.085
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 5	326.029.464	249.173.354
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 6	469.387.667	706.994.480
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường – Đô thị	2.767.564.466	3.535.789.406
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Nhà máy Nước đóng chai	31.296.010	-

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đơn vị trực thuộc	Số cuối năm	Số đầu năm
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng và Cấp thoát nước	114.778.511	348.397.281
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư	3.973.080.944	1.533.189.990
Cộng	19.951.691.619	15.224.787.713

(c) Đây là tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp.

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	40.859.104.358 (d)	38.940.732.493
Trả trước cho người bán ngắn hạn	47.229.547.350 (e)	15.702.273.694
Phải thu ngắn hạn khác	12.632.297.689	8.660.979.469
- Phải thu ngắn hạn khác	1.865.517.470 (f)	908.516.168
- Tạm ứng	10.589.102.053 (g)	6.827.015.099
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	177.678.166 (h)	925.448.202
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(1.945.379.450)
Cộng	100.720.949.397	61.358.606.206

(d) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2015 như sau:

Khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu từ xây lắp	19.011.108.147	20.983.536.956
- Phải thu tiền nước sinh hoạt	3.189.214.799	3.285.037.986
- Phải thu tiền thu gom và vận chuyển rác	13.865.988.854	11.088.111.842
- Phải thu tiền công viên cây xanh	3.579.557.000	2.832.810.000
- Phải thu các khách hàng khác	1.213.235.558	840.065.709
Cộng	40.859.104.358	39.029.562.493

(e) Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng Công ty	46.273.345.600	15.157.176.994
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 4	-	216.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường – Đô thị	119.000.000	110.000.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư	837.201.750	434.880.700
Cộng	47.229.547.350	15.702.273.694

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(f) Chi tiết số dư các khoản phải thu khác tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng Công ty	1.861.835.242	900.733.940
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 2	-	4.000.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 4	3.682.228	3.682.228
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường – Đô thị	-	100.000
Cộng	1.865.517.470	908.516.168

(g) Chi tiết số dư tạm ứng tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng Công ty	682.451.414	1.029.881.100
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 1	83.381.000	57.916.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 2	512.418.640	299.141.040
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 3	82.755.000	46.387.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 4	408.528.000	45.700.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 5	200.000.000	-
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 6	-	22.765.276
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường – Đô thị	56.500.000	125.983.432
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Nhà máy Nước đóng chai	-	-
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng và Cấp thoát nước	249.934.000	150.480.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư	8.313.133.999	5.048.761.251
Cộng	10.589.102.053	6.827.015.099

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(h) Chi tiết số dư ký quỹ, ký cược ngắn hạn tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng Công ty	77.618.166	701.743.202
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng và Cấp thoát nước	-	23.679.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư	100.060.000	200.026.000
Cộng	177.678.166	925.448.202

3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	21.751.885.961 (i)	17.357.352.198
Công cụ, dụng cụ trong kho	410.780.772	379.517.715
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.793.274.946 (j)	11.222.024.344
Thành phẩm tồn kho	36.294.159	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	33.992.235.838	28.958.894.257

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: do giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tại thời điểm xuất bán cao hơn giá gốc của hàng tồn kho

(i) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho tại ngày 31/12/2015 như sau:

Nguyên liệu, vật liệu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu chính	6.932.683.975	1.954.731.601
- Nhiên liệu	449.778.308	557.618.598
- Phụ tùng thay thế	166.229.230	130.807.597
- Thiết bị xây dựng cơ bản	493.208.497	493.348.497
- Vật liệu khác (vật tư ngành cấp thoát nước)	13.709.985.951	14.220.845.905
Cộng	21.751.885.961	17.357.352.198

(j) Đây là chi phí xây lắp công trình dở dang.

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	401.203.458.993	38.919.760.513	9.500.333.515	430.622.885.991
- Nhà cửa, vật kiến trúc	197.145.513.679	21.007.914.704	3.516.244.475	214.637.183.908
- Máy móc, thiết bị	35.082.877.805	7.996.000.533	1.009.422.248	42.069.456.090
- PT vận tải, TB truyền dẫn	168.322.522.808	9.915.845.276	4.902.656.359	173.335.711.725
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	617.034.268	-	36.500.000	580.534.268
- Tài sản cố định khác	35.510.433	-	35.510.433	-

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<i>Loại tài sản</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Hao mòn lũy kế	143.447.056.900	16.937.403.878	7.798.463.776	152.585.997.002
- Nhà cửa, vật kiến trúc	34.742.607.805	8.900.532.508	2.586.383.227	41.056.757.086
- Máy móc, thiết bị	14.372.060.692	2.114.082.417	724.768.700	15.761.374.409
- PT vận tải, TB truyền dẫn	93.893.742.518	5.804.134.093	4.415.301.416	95.282.575.195
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	403.135.452	118.654.860	36.500.000	485.290.312
- Tài sản cố định khác	35.510.433	-	35.510.433	-
Giá trị còn lại	257.756.402.093			278.036.888.989
- Nhà cửa, vật kiến trúc	162.402.888.233			173.580.426.822
- Máy móc, thiết bị	20.710.817.113			26.308.081.681
- PT vận tải, TB truyền dẫn	74.428.780.290			78.053.136.530
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	213.898.816			95.243.956
- Tài sản cố định khác	-			-

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 76.245.767.381
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2015 như sau:

	Số tiền
- Trạm xử lý nước sông Nha Môn (gđ1, cs: 2.500m ³ /nd)	8.856.365.181
- Mạng lưới đường ống	2.616.099.957
- Hệ thống xử lý + nhà pha Clo - PAC	2.317.612.828
- Trạm cấp nước Khu công nghiệp xã Mỹ Hiệp	2.018.790.815
- Hàng rào, sân dal, nhà kho... Chi nhánh Dowasen số 2	1.670.946.455
- Giếng khoan khai thác 70m ³ /h – Trạm Khu công nghiệp Mỹ Hiệp	1.557.338.549
- Khu xử lý chất thải rắn Đập Đá – xã Mỹ Thọ - huyện Cao Lãnh	1.517.361.000
- Trạm cấp nước khu vực thị trấn Lấp Vò – HM: giếng khoan khai thác 70m ³ /h)	1.243.543.999
- Trạm cấp nước tái định cư thị trấn Lai Vung – HM1: giếng khoan khai thác 70m ³ /h)	1.082.900.225
- Bể lắng lọc chứa	630.822.552
- Nhà bao che công nghệ xử lý điện	616.578.728
- Tuyến ống cấp nước Tân Thuận A Tân Phúc (PVC 168,114,75)	583.848.182
- Máy phát điện trạm Nha Môn	576.000.000
- Máy phát điện 3 pha Powered by Cummins 380V,250KVA	576.000.000
- TOCN 114 cầu Trâu Trắng + 60 cống Ông Sơn (HCL)	530.102.531
- MLCN xã Tân Nhuận Đông, UB xã cũ – Cai Hát, hẻm ngang KThạch	526.615.725
- Điện công nghệ	521.056.152
- Các tài sản cố định khác	11.477.777.634
Cộng	38.919.760.513

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết tài sản cố định hữu hình giảm trong năm 2015 như sau:

	Số tiền
Thanh lý tài sản	8.743.436.515
- Giếng khoan 93m ³ /h	694.096.918
- Giếng khoan HCL 600m ³ /ngày	675.695.723
- Hệ thống đường ống phân phối HCL	595.868.668
- Giếng nước ngầm 1+2	572.302.060
- Ống @100 Lý Thường Kiệt	502.138.100
- Các tài sản cố định khác	5.703.335.046
Nhượng bán tài sản	756.897.000
- Các tài sản cố định khác	756.897.000
Cộng	9.500.333.515

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2015 như sau:

	Số tiền
- Khấu hao trong năm	16.937.403.878
Cộng	16.937.403.878

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm trong năm 2015 như sau:

	Số tiền
- Thanh lý tài sản	7.091.743.928
- Nhượng bán tài sản	706.719.848
Cộng	7.798.463.776

5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	4.420.461.413	-	-	4.420.461.413
- Quyền sử dụng đất	3.243.672.550	-	-	3.243.672.550
- Phần mềm máy tính	312.088.000	-	-	312.088.000
- Tài sản cố định vô hình khác	864.700.863	-	-	864.700.863
Hao mòn lũy kế	888.627.149	117.423.581	-	1.006.050.730
- Quyền sử dụng đất	55.068.402	11.267.280	-	66.335.682
- Phần mềm máy tính	235.679.419	76.408.581	-	312.088.000
- Tài sản cố định vô hình khác	597.879.328	29.747.720	-	627.627.048
Giá trị còn lại	3.531.834.264			3.414.410.683
- Quyền sử dụng đất	3.188.604.148			3.177.336.868
- Phần mềm máy tính	76.408.581			-
- Tài sản cố định vô hình khác	266.821.535			237.073.815

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công trình	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dự án thoát nước + XLNT TP. Cao Lãnh	51.208.646.876	24.937.367.755
- Hệ thống cấp nước	80.287.698.048	17.941.430.262

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Trạm cấp nước Khu công nghiệp xã Mỹ Hiệp – H. Cao Lãnh	1.670.044.090	3.063.273.636
- Hệ thống tuyến ống	1.261.344.613	1.828.779.641
- Trạm cấp nước tái định cư Thị trấn Lai Vung	156.740.909	3.225.347.091
- Trạm cấp nước khu vực Thị trấn Lấp Vò	1.669.802.945	111.922.727
- Trụ sở làm việc CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 3	1.459.044.364	-
- Trạm xử lý nước sông Nha Môn – H. Châu Thành	-	8.415.195.727
- Dự án khu xử lý chất thải rắn Đập Đá – H. Cao Lãnh	-	1.517.361.000
- Trụ sở làm việc CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 2	-	1.454.545.455
- Các công trình khác	3.290.229.317	2.662.141.619
Cộng	141.003.551.162	65.157.364.913

7. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lắp đặt thủy lượng kế	7.144.157.421	6.970.303.552
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1.193.998.677	1.174.980.308
- Chi phí đầu tư hệ thống cấp nước	800.769.632	828.062.433
- Chi phí thuê quyền sử dụng đất	543.252.237	556.941.093
- Chi phí trả trước dài hạn khác	383.257.750	687.742.390
Cộng	10.065.435.717	10.218.029.776

8. Phải trả người bán ngắn hạn và người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn	45.148.634.351 (k)	20.393.414.184
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.010.098.679 (l)	1.135.004.864
Cộng	48.158.733.030	21.528.419.048

(k) Chi tiết số dư phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng Công ty	29.939.730.076	5.993.032.452
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 2	-	46.640.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường – Đô thị	900.030.004	1.695.706.598
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng và Cấp thoát nước	369.941.441	17.488.468
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư	13.938.932.830	12.640.546.666
Cộng	45.148.634.351	20.393.414.184

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(I) Chi tiết số dư người mua trả tiền trước tại ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị trực thuộc	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng Công ty	-	154.000.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 2	303.082.387	140.982.324
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 4	-	16.799.200
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 5	-	120.000.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 6	2.657.292	1.493.340
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường – Đô thị	48.000.000	-
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng và Cấp thoát nước	-	15.730.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Xây lắp và Vật tư	2.656.359.000	686.000.000
Cộng	3.010.098.679	1.135.004.864

9. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	1.427.800.449	1.337.706.846	2.815.721.579	(50.214.284)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	517.479.426	977.454.299	1.190.445.983	304.487.742
- Thuế thu nhập cá nhân	(235.451.961)	708.207.456	822.758.961	(350.003.466)
- Thuế tài nguyên	207.567.533	2.727.289.126	2.687.673.274	247.183.385
- Tiền thuê đất	-	163.229.942	37.187.482	126.042.460
- Các loại thuế khác	-	22.000.000	22.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	527.232.116	7.741.314.709	7.648.550.042	619.996.783
Cộng	2.444.627.563	13.677.202.378	15.224.337.321	897.492.620

10. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí bảo vệ môi trường rừng	466.252.160	-
Cộng	466.252.160	-

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Phải trả ngắn hạn khác

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Kinh phí công đoàn	21.175.088	138.704.771
- Văn phòng Công ty	21.175.088	138.704.771
Nhận ký quỹ, ký cược	874.539.500	583.221.500
- Văn phòng Công ty	64.601.000	26.762.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 1	348.453.000	245.253.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 2	351.835.500	270.406.500
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 3	21.000.000	13.000.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 4	54.000.000	12.600.000
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 6	34.650.000	15.200.000
Phải trả, phải nộp khác	7.954.462.205	5.874.718.360
- Văn phòng Công ty	6.016.314.825	4.107.667.675
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 1	747.654.449	143.809.848
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 2	402.196.387	767.823.435
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 3	104.831.336	169.182.067
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 4	38.367.419	67.972.252
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 5	86.567.333	64.572.363
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp số 6	40.701.547	41.385.811
- CN Công ty TNHH MTV Cấp nước & MTĐT Đồng Tháp – Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường – Đô thị	517.828.909	512.304.909
Cộng	8.850.176.793	6.596.644.631

12. Vay dài hạn

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – KV Đồng Tháp – An Giang	54.071.007.487	30.389.807.487
- Quỹ đầu tư phát triển Đồng Tháp	30.903.363.568	25.717.700.655
Cộng	84.974.371.055	56.107.508.142

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Vốn chủ sở hữu

(a) *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước*

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	283.427.994.532	10.214.801.442	6.035.331.739	287.607.464.235
- Vốn khác của chủ sở hữu	330.000.000	1.140.882.540	-	1.470.882.540
- Quỹ đầu tư phát triển	6.697.593.646	2.217.846.211	4.847.422.696	4.068.017.161
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	7.392.830.137	7.392.830.137	-
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	26.837.257.000	8.188.758.905	236.000.000	34.790.015.905
Cộng	317.292.845.178	29.155.119.235	18.511.584.572	327.936.379.841

(b) *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay*

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
- Vốn góp của chủ sở hữu	287.607.464.235	7.319.809.412	330.230.000	294.597.043.647
- Vốn khác của chủ sở hữu	1.470.882.540	70.750.000	8.020.089	1.533.612.451
- Quỹ đầu tư phát triển	4.068.017.161	2.582.897.453	6.604.736.843	46.177.771
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	8.717.478.410	8.717.478.410	-
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	34.790.015.905	71.833.725.904	854.304.000	105.769.437.809
Cộng	327.936.379.841	90.524.661.179	16.514.769.342	401.946.271.678

Vốn góp của chủ sở hữu tăng là do:

	Số tiền
- Bổ sung vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển	6.604.736.843
- Nhận vật tư từ dự án do Chính Phủ Úc tài trợ	715.072.569
Cộng	7.319.809.412

Vốn góp của chủ sở hữu giảm là do:

	Số tiền
- Nộp trả Ngân sách dự án Khu xử lý chất thải rắn Đập Đá – H. Cao Lãnh	330.230.000
Cộng	330.230.000

Vốn khác của chủ sở hữu tăng là do:

	Số tiền
- Nhận hỗ trợ vốn xây dựng tuyến ống từ các huyện	70.750.000
Cộng	70.750.000

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Vốn khác của chủ sở hữu giảm là do:

	<u>Số tiền</u>
- Giá trị công trình MLCN cụm dân cư An Phú, xã An Long, huyện Tam Nông do bị thu hồi theo Công văn số 711/KTNN-CNV ngày 30/07/2015 của Kiểm toán Nhà Nước	8.020.089
Cộng	<u>8.020.089</u>

Quỹ đầu tư phát triển tăng là do:

	<u>Số tiền</u>
- Phân phối lợi nhuận năm 2015	2.582.897.453
Cộng	<u>2.582.897.453</u>

Quỹ đầu tư phát triển giảm là do:

	<u>Số tiền</u>
- Bỏ sung vốn điều lệ	6.604.736.843
Cộng	<u>6.604.736.843</u>

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tăng là do:

	<u>Số tiền</u>
- Ngân sách Nhà nước cấp	71.833.725.904
Cộng	<u>71.833.725.904</u>

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản giảm là do:

	<u>Số tiền</u>
- Nộp trả Ngân sách dự án Khu xử lý chất thải rắn Đập Đá – H. Cao Lãnh	854.304.000
Cộng	<u>854.304.000</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

(a) *Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm trước*

	<i>Doanh thu thuần</i>	<i>Giá vốn</i>	<i>Lãi gộp</i>	<i>Tỷ lệ</i>
Hoạt động môi trường	35.316.065.345	28.113.268.011	7.202.797.334	20,40%
- Thu gom và vận chuyển rác	29.841.084.218	23.168.031.586	6.673.052.632	22,36%
- Hút hầm cầu	549.226.162	206.133.993	343.092.169	62,47%
- Công viên cây xanh	3.024.829.088	2.296.410.635	728.418.453	24,08%
- Nghĩa trang	1.900.925.877	2.442.691.797	(541.765.920)	(28,50%)

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Hoạt động kinh doanh	175.885.407.997	132.353.103.901	43.532.304.096	24,75%
- Nước sinh hoạt	121.128.113.272	83.582.565.248	37.545.548.024	31,00%
- Dịch vụ nước	168.937.270	2.170.000	166.767.270	98,72%
- Vật tư	1.688.853.347	1.301.562.901	387.290.446	22,93%
- Xây lắp	49.768.179.102	44.709.295.721	5.058.883.381	10,16%
- Sửa chữa	65.629.091	76.889.630	(11.260.539)	(17,16%)
- Cho thuê phương tiện	470.965.918	245.982.164	224.983.754	47,77%
- Tư vấn	2.487.244.544	2.357.844.199	129.400.345	5,20%
- Dịch vụ khác	107.485.453	76.794.038	30.691.415	28,55%
Cộng	211.201.473.342	160.466.371.912	50.735.101.430	24,02%

(b) *Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay*

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp	Tỷ lệ
Hoạt động môi trường	38.254.996.271	32.155.846.530	6.099.149.741	15,94%
- Thu gom và vận chuyển rác	31.816.740.944	26.445.384.604	5.371.356.340	16,88%
- Hút hầm cầu	445.284.419	229.070.256	216.214.163	48,56%
- Công viên cây xanh	3.737.016.365	3.038.154.443	698.861.922	18,70%
- Nghĩa trang	2.255.954.543	2.443.237.227	(187.282.684)	(8,30%)
Hoạt động kinh doanh	206.338.050.533	151.115.158.805	55.222.891.728	26,76%
- Nước sinh hoạt	154.568.923.450	102.138.448.844	52.430.474.606	33,92%
- Dịch vụ nước	183.274.395	6.570.000	176.704.395	96,42%
- Vật tư	2.119.321.629	1.671.708.643	447.612.986	21,12%
- Xây lắp	45.496.960.722	43.125.364.316	2.371.596.406	5,21%
- Sửa chữa	21.227.273	24.000.000	(2.772.727)	(13,06%)
- Cho thuê phương tiện	482.319.361	184.348.722	297.970.639	61,78%
- Tư vấn	2.858.672.813	2.972.292.296	(113.619.483)	(3,97%)
- Nước đóng chai	548.889.077	960.127.583	(411.238.506)	(74,92%)
- Dịch vụ khác	58.461.813	32.298.401	26.163.412	44,75%
Cộng	244.593.046.804	183.271.005.335	61.322.041.469	25,07%

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	413.442.436	434.518.273
- Lãi đầu tư trái phiếu, cổ phiếu	20.000.000	100.000.000
Cộng	433.442.436	534.518.273

3. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	2.494.320.328	671.437.343
- Chi phí lãi vay Dự án Hà Lan	-	817.621.981
Cộng	2.494.320.328	1.489.059.324

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	9.585.645.559	8.598.028.668
- Chi phí vật liệu, bao bì	8.880.855.583	5.639.778.645
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	669.076.757	238.639.838
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.490.711.889	8.395.989.915
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.528.500	340.000
- Chi phí bằng tiền khác	248.635.900	-
Cộng	23.887.454.188	22.872.777.066

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	10.403.846.735	9.401.724.794
- Chi phí vật liệu quản lý	717.206.100	743.012.770
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.318.993.757	663.960.240
- Chi phí khấu hao TSCĐ	571.861.785	468.112.601
- Thuế, phí và lệ phí	414.373.689	494.752.924
- Chi phí dự phòng	1.339.120.550	743.779.696
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	518.161.444	1.740.672.396
- Chi phí bằng tiền khác	8.914.912.327	5.452.340.587
Cộng	24.198.476.387	19.708.356.008

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu phạt vi phạm hợp đồng	6.358.000	12.843.000
- Thu thanh lý tài sản, vật tư	-	386.239.615
- Xử lý kết quả kiểm kê thừa	930.128	293.921.265
- Thu phạt thi hành án	103.361.508	-
- Các khoản thu nhập khác	274.821.458	932.290.945
Cộng	385.471.094	1.625.294.825

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Phạt vi phạm hợp đồng	2.813.750	453.000
- Chi thanh lý tài sản, vật tư	1.608.223.102	117.817.316
- Chi phí thi hành án	15.861.525	-
- Các khoản chi phí khác	139.262.727	10.235.381
Cộng	1.766.161.104	128.505.697

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	977.454.299	1.303.386.296
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	977.454.299	1.303.386.296

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các việc hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2015	9.794.542.992
Điều chỉnh các khoản giảm thu nhập chịu thuế	20.000.000
- Cổ tức được chia	20.000.000
Lợi nhuận tính thuế năm 2015	9.774.542.992
Trong đó: - Lợi nhuận chịu thuế suất 10%	11.262.988.231
- Lợi nhuận chịu thuế suất 22%	(1.488.445.239)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	977.454.299
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2015	8.817.088.693
Điều chỉnh giảm lợi nhuận sau thuế năm trước theo Biên bản kiểm tra thuế năm 2014	(99.610.283)
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	8.717.478.410
- Phạt chậm nộp	107.820.232
- Trích quỹ đầu tư phát triển	2.582.897.453
- Trích quỹ thưởng viên chức quản lý	403.687.500
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.623.073.225
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm 2015	-

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:** không có
- Thông tin về các bên liên quan:** không có
- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):** Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán.

	<u>Số đầu năm nay trình bày lại</u>	<u>Số cuối năm trước đã trình bày</u>
Bảng cân đối kế toán		
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	38.940.732.493	39.029.562.493
- Phải thu ngắn hạn khác	8.660.979.469	908.516.168
- Chi phí trả trước ngắn hạn	-	372.887.876
- Tài sản ngắn hạn khác	-	7.752.463.301
- Phải thu dài hạn khách hàng	88.830.000	-
- Chi phí trả trước dài hạn	10.218.029.776	9.845.141.900

- Thông tin về hoạt động liên tục:** Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.
- Thay đổi chính sách kế toán:** Ngày 22/12/2014 Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015. Số liệu đầu năm trên báo cáo tài chính được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

NGƯỜI LẬP

HOÀNG QUỐC HƯNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM CHÍ THỨC

Cao Lãnh, ngày 04 tháng 01 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHAN ĐÌNH HÙNG